

CHÍNH PHỦ
Số: 24/1997/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 1997

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn ngày 02 tháng 12 năm 1994;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục khí tượng thủy văn,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Công trình khí tượng thủy văn cơ bản do Nhà nước đầu tư xây dựng, Tổng cục Khí tượng thủy văn trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ.

Công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng do các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức kinh tế, quốc phòng, an ninh và cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ nhằm phục vụ các nhu cầu chuyên ngành. Công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng có thể hoạt động trong một thời gian nhất định hoặc lâu dài, căn cứ vào mục đích xây dựng và luận chứng kinh tế - kỹ thuật đã được phê duyệt.

Điều 2. Công trình khí tượng thủy văn bao gồm:

1. Các đài khí tượng thủy văn:

a) Các đài khí tượng thủy văn khu vực;

b) Đài khí tượng cao không;

Danh mục các đài khí tượng thủy văn khu vực và khí tượng cao không được ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Các trạm khí tượng thủy văn.

- a) Các trạm khí tượng bề mặt;
- b) Các trạm khí tượng cao không;
- c) Các trạm khí tượng nông nghiệp;
- d) Các trạm khí tượng hải văn;
- đ) Các trạm thủy văn;
- e) Các trạm kiểm soát nhiễm bẩn môi trường không khí;
- g) Các trạm kiểm soát nhiễm bẩn môi trường nước;
- h) Các trạm dự báo và phục vụ khí tượng thủy văn tỉnh;
- i) Các trạm đo mưa.

Các loại phương tiện, máy móc thiết bị chuyên dùng, các công trình phụ trợ hoạt động khí tượng thủy văn, diện tích đất chuyên dùng, hệ thống bảo vệ công trình, hành lang an toàn kỹ thuật và tư liệu khí tượng thủy văn... cũng thuộc công trình khí tượng thủy văn quy định tại Điều này.

Điều 3. Các công trình khí tượng thủy văn thuộc loại đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 11 của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn cũng là công trình khí tượng thủy văn cơ bản, nhưng có tầm quan trọng đặc biệt về chuyên môn kỹ thuật khí tượng thủy văn và trao đổi thông tin quốc tế... hoặc có ý nghĩa quan trọng đối với các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh của đất nước.

Danh mục các công trình khí tượng thủy văn thuộc loại đặc biệt được ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 4. Tư liệu khí tượng thủy văn quy định tại khoản 6 Điều 2 của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn bao gồm:

- 1. Các tài liệu, số liệu điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước được ghi trên giấy hoặc trên các vật mang tin khác.
- 2. Các loại biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh, các loại phim, ảnh về các đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn.
- 3. Các thông số kỹ thuật về các loại máy chuyên dùng trong hoạt động khí tượng thủy văn; các tài liệu về vị trí, ký hiệu và trị số mốc độ cao của các công trình đo đạc

khí tượng thuỷ văn.

4. Kết quả các công trình nghiên cứu và các ấn phẩm khác do ngành khí tượng thuỷ văn phát hành nội bộ.

Điều 5. Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thuỷ văn phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch và luận chứng kinh tế - kỹ thuật xây dựng lại, sửa chữa, tu bổ, nâng cấp các công trình khí tượng thuỷ văn cơ bản theo các chính sách và pháp luật của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng. Hàng năm, Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thuỷ văn trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức đầu tư ngân sách và các điều kiện cần thiết khác để các công trình khí tượng thuỷ văn cơ bản được bảo vệ và khai thác ổn định, lâu dài, từng bước hiện đại hoá.

Điều 6. Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thuỷ văn chịu trách nhiệm tổ chức quản lý thống nhất việc lưu trữ và sử dụng các tư liệu khí tượng thuỷ văn cơ bản và phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc tổ chức quản lý tư liệu khí tượng thuỷ văn chuyên dùng.

Điều 7.

1. Hành lang an toàn kỹ thuật của từng loại công trình khí tượng thuỷ văn quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thuỷ văn được quy định như sau:

a) Đối với các trạm khí tượng bề mặt, khí tượng cao không, khí tượng nông nghiệp nằm trong thành phố, thị xã, thị trấn là khu vực đất xung quanh trạm có chiều rộng bằng 10 lần chiều cao của vật che chắn, tính từ nơi lắp đặt thiết bị đo đạc của trạm đến vật che chắn đó.

b) Đối với các trạm khí tượng bề mặt, khí tượng hải văn trên đảo, khí tượng cao không, khí tượng nông nghiệp nằm ngoài thành phố, thị xã, thị trấn là khu vực đất xung quanh trạm có chiều rộng bằng 10 lần chiều cao của vật che chắn đứng đơn lẻ và bằng 20 lần chiều cao của các vật che chắn đứng thành cụm, tính từ nơi lắp đặt thiết bị đo đạc của trạm đến vật che chắn đó.

c) Đối với các trạm khí tượng hải văn trên biển là vùng nước có bán kính 500m tính từ nơi đặt thiết bị đo đạc của trạm.

d) Đối với các trạm thủy văn có đo lưu lượng nước sông là đoạn sông có chiều dài bằng 3 lần chiều rộng trung bình của mặt nước lòng sông chính, nhưng dài nhất không quá 500 m về phía hạ lưu và 500 m về phía thượng lưu, tính từ tuyến đo lưu lượng.

đ) Đối với tất cả các trạm thủy văn, các trạm khí tượng hải văn có thiết bị hoặc công trình đo đạc được xây dựng trực tiếp trên bờ sông, hồ hoặc bờ biển thì ngoài các tiêu chuẩn nói tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này, hành lang an toàn kỹ thuật còn bao gồm khu vực đất trên bờ xung quanh thiết bị hoặc công trình đo đạc có bán kính 30 m tính từ nơi lắp đặt thiết bị hoặc công trình đó.

2. Tùy tình chất và yêu cầu sử dụng, chủ đầu tư xây dựng các công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng có thể quy định khác về hành lang an toàn kỹ thuật của công trình do mình quản lý, nhưng không vượt quá giới hạn của các quy định tại khoản 1 Điều này và phải thông báo tới Tổng cục Khí tượng thủy văn bằng văn bản.

Chương 2:

KHAI THÁC CÔNG TRÌNH KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN

Điều 8. Việc quan trắc, thu thập các yếu tố và hiện tượng khí tượng thủy văn, các yếu tố môi trường không khí và nước phải được thực hiện theo các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật khí tượng thủy văn.

Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn chịu trách nhiệm soạn thảo, ban hành, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật về khai thác công trình khí tượng thủy văn.

Điều 9. Trong phạm vi hành lang an toàn kỹ thuật của công trình khí tượng thủy văn, không tiến hành các hoạt động làm ảnh hưởng đến công trình, thiết bị đo, cản trở việc quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn hoặc làm thay đổi tính chất tự nhiên của hành lang an toàn kỹ thuật.

Các hoạt động nhất thời hoặc hoạt động không gây ảnh hưởng trực tiếp đến công trình khí tượng thủy văn trong hành lang an toàn kỹ thuật của công trình chỉ được

tiến hành sau khi đã được người quản lý trực tiếp công trình khí tượng thủy văn đồng ý.

Điều 10. Việc thu nhận và phát báo các thông tin về khí tượng thủy văn bằng mọi phương tiện đều được ưu tiên đặc biệt và phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời nhằm đáp ứng những nhu cầu cần thiết cho công tác dự báo, phục vụ phòng chống bão lụt, thiên tai và các nhu cầu khác của Nhà nước.

Tổng cục Khí tượng thủy văn xây dựng kế hoạch và hướng dẫn nội dung thu nhận, phát báo các thông tin khí tượng thủy văn để các Bộ, ngành có liên quan phối hợp thực hiện.

Điều 11. Việc di chuyển các công trình khí tượng thủy văn được quy định như sau:

1. Chỉ được phép di chuyển các công trình khí tượng thủy văn trong trường hợp thật cần thiết để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật hoặc yêu cầu về kinh tế - xã hội có tầm quan trọng đặc biệt.
2. Thủ tướng Chính phủ quyết định di chuyển công trình khí tượng thủy văn thuộc loại đặc biệt và thuộc mạng lưới phát báo quốc tế.
3. Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn quyết định việc di chuyển các công trình khí tượng thủy văn cơ bản khác. Khi di chuyển công trình khí tượng thủy văn cơ bản có liên quan đến quốc phòng, an ninh thì cần tham khảo ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ.

Khi di chuyển các công trình khí tượng thủy văn phải tiến hành quan trắc song song giữa địa điểm cũ và địa điểm mới theo hướng dẫn của Tổng cục Khí tượng thủy văn để bảo đảm tính đồng nhất, liên tục của tư liệu khí tượng thủy văn.

4. Chủ đầu tư xây dựng công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng quyết định việc di chuyển công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng của mình, đồng thời thông báo tới Tổng cục Khí tượng thủy văn trong thời hạn một tháng, kể từ ngày công trình ở địa điểm cũ ngừng hoạt động.

Điều 12. Tư liệu khí tượng thủy văn được phân loại theo giá trị và mức độ bảo mật của tư liệu.